

Bản án số: 71/2022/DS-PT  
Ngày: 13-9-2022  
V/v “*Tranh chấp di sản  
thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Quang;

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Chiu và bà Vũ Ngọc Hà.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/DSPT ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐ-PT ngày 28/7/2022; Thông báo mở phiên tòa số 119/TB-TDS ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị X, sinh năm: 1943; Địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Nơi ở hiện nay: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:***

Ông Lê Hồng D – Luật sư, Công ty Luật TNHH D – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**2. *Bị đơn:*** Bà Lê Thị T, sinh năm: 1950; Địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Bà Trần Thị Như T – Luật sư, Văn phòng Luật sư D – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- 3.1 Anh Lê Văn V, sinh năm: 1972;
- 3.2 Chị Lê Thị Kim H, sinh năm: 1976.
- 3.3 Anh Lê Ngọc P, sinh năm: 1974;
- 3.4 Chị Lê Thị N, sinh năm: 1978;
- 3.5 Chị Lê Thị N1, sinh năm: 1982;
- 3.6 Anh Lê Ngọc T, sinh năm: 1984;
- 3.7 Anh Lê Ngọc P, sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Đều ủy quyền cho bà Trần Thị Như T – Luật sư, Văn phòng Luật sư D–thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

3.7 Ủy ban nhân dân thị xã Đ. Vắng mặt.

3.8 Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Như T.

5. *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị X, đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn T, ông Bùi Trọng T trình bày như sau:*

Nguyên cha mẹ bà X là cụ Lê H (chết năm 1990), cụ Trương Thị N (chết năm 1948) có 02 người con là Lê Thị X, sinh năm: 1943 và Lê Văn M, sinh năm: 1947. Trước năm 1959, cụ Lê H khai hoang một thửa đất nay thuộc khu phố P1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Năm 1959, cụ H xây dựng nhà trên phần đất này; từ khi cha chết, ông M và vợ là bà T ở, quản lý và sử dụng căn nhà, diện tích đất này. Đến năm 2017, ông M chết, năm 2018 bà X phát hiện và được biết ông M, bà T tiến hành làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hỏi ý kiến của bà X; được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 494663, sổ vào sổ CH 00752 ngày 15/7/2013 đối với thửa số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup> (đất ở nông thôn 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 291,3m<sup>2</sup>). Nay bà X xác định nguồn gốc đất và nhà của cụ H tạo lập; yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H theo quy định pháp luật. Yêu cầu được nhận hiện vật, diện tích đất 271,55m<sup>2</sup>. Đối với cây trồng và các vật kiến trúc xây dựng trên đất của bà T mà nằm trên phần đất bà X được hưởng thừa kế thì phải tháo dỡ trả lại đất; còn căn nhà do cụ H tạo lập thì nếu nằm trên phần đất bà X được hưởng thì cắt căn nhà này cho phù hợp với phần diện tích đất được nhận. Rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, sổ vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Lê Thị T và đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Như T trình bày:* Tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là do ông Lê Văn M và bà Lê Thị T khai hoang, xây dựng nhà từ khoảng năm 1970, hiện trạng khi đó đất hoang nhiều bần chải, cây dứa và cây bụi. Lúc đầu diện tích chỉ khoảng 100m<sup>2</sup> sau đó khai hoang thêm; quá trình ở có sửa nhà ba đến bốn lần; đến năm 2005 thì sửa lại một lần nữa, không ai tranh chấp gì cho đến nay, cây trồng và các tài sản khác do bị đơn tạo lập; bà T và ông M thực hiện thuế nhà, đất đã đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 494663, số vào sổ CH 00752 ngày 15/7/2013 đối với thửa số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup> (đất ở nông thôn 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 291,3m<sup>2</sup>) là đúng quy định. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có cơ sở.

*Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:*

- Anh Lê Văn V, chị Lê Thị Kim H, anh Lê Ngọc P, chị Lê Thị N, chị Lê Thị N1, anh Lê Ngọc T, anh Lê Ngọc P thống nhất như lời khai của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

- Ủy ban nhân dân phường H: Tại công văn số 256/UBND ngày 26/7/2022 của UBND phường H có nội dung: Qua xác minh, lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 25/7/2022 như sau: Đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại khu phố P1, phường H hiện do vợ ông Lê Văn M quản lý sử dụng có nguồn gốc từ cha mẹ cụ Lê H sử dụng tạo lập, sau đó để lại cho cụ Lê H quản lý sử dụng, sau khi cụ H chết thì vợ chồng ông Lê Văn M quản lý sử dụng, sau khi ông M chết do vợ con ông M sử dụng. Nhà trên đất được cụ Lê H xây dựng năm 1959, ông Lê Văn M đã tu sửa như nhà hiện nay.

*Những người làm chứng ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu H và Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:* Nhà và đất đang tranh chấp giữa bà Lê Thị X và bà Lê Thị T hiện do bà T đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của cụ Lê H tạo mãi. Trước đây chỉ có 01 gian nhà chính do cụ H xây dựng vào năm 1959, có niên hiệu 1959 nhưng đã bị bà Lê Thị T và các con bà T đập bỏ; còn gian nhà sau là do ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tạo lập. Gian nhà chính quá trình sử dụng được vợ chồng ông Lê Văn M, bà Lê Thị T thay ngôi và có sửa chữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ đã quyết định:

Căn cứ: khoản 5, 9 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 611, 623, 649, 650, 651, 652, 660 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Lê H theo pháp luật như sau:

Diện tích 250m<sup>2</sup> đất ở chia cho ba, nên mỗi kỹ phần 83,33m<sup>2</sup> bà Lê Thị X nhận 83,33m<sup>2</sup> giá trị tại thời điểm tranh chấp là 2.000.000đ/m<sup>2</sup> thành tiền (83,33m<sup>2</sup> x 2.000.000đ = 166.660.000 đồng);

Buộc bà Lê Thị T phải có trách nhiệm thối lại kỹ phần quyền sử dụng đất ở 83,33m<sup>2</sup> thành tiền 166.660.000 đồng cho bà Lê Thị X.

Giao cho bà Lê Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 543,1m<sup>2</sup> (theo đo đạc diện tích đất hiện trạng sử dụng 531,8m<sup>2</sup>); tọa lạc tại khu phố P1, phường Hòa, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013, có tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông Lê Văn N;
- Phía Tây giáp đường bê tông;
- Phía Nam giáp đường đất;
- Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn B.

Khi những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn V, Lê Thị Kim H, Lê Ngọc P, Lê Thị N, Lê Thị N1, Lê Ngọc T, Lê Ngọc P có đơn yêu cầu chia di sản thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ việc nguyên đơn bà Lê Thị X rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn bà Lê Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm – yêu cầu xem xét chia nhà, đất ra làm 2 phần và cho bà được nhận hiện vật vì hiện tại bà không có nhà ở, phải ở nhờ nhà của con.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc P, bà Lê Thị N, ông Lê Ngọc T, ông Lê Ngọc P, ông Lê Văn V, bà Lê Thị N1 - bà Trần Thị Như T có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Đ giải quyết theo quy định.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất tự nguyện thỏa thuận giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử: Sửa án sơ thẩm – Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn Lê Thị X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như T kháng cáo bản án sơ thẩm và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

UBND thị xã Đông Hòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, UBND phường H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

*[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn – yêu cầu chia nhà, đất làm 2 phần và xin nhận hiện vật, kháng cáo của bị đơn – đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên về xác định di sản thừa kế:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác định và thỏa thuận:

- Khối di sản thừa kế của cụ Lê H (chết năm 1990), cụ Trương Thị N (chết năm 1948) còn lại hiện nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup> (gồm 250m<sup>2</sup> đất ODT và 293,1m<sup>2</sup> đất HNK), tọa lạc Khu phố P1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên do ông Lê Văn M (con cụ H, cụ N) đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 494663, sổ vào sổ CH 00752 ngày 15/7/2013. Kết quả đo đạc thực tế - Tại Bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày 31/8/2022, có diện tích 531,8m<sup>2</sup> (gồm 250m<sup>2</sup> đất ODT và 281,8m<sup>2</sup> đất HNK). Khối di sản của cụ Hoài, cụ Ngó trị giá 511.835.600đ (250m<sup>2</sup> đất ODT x 2.000.000đ/m<sup>2</sup> + 281,8m<sup>2</sup> đất HNK x 42.000đ/m<sup>2</sup> = 500.000.000đ + 11.835.600đ).

- Diện hưởng di sản thừa kế của cụ H, cụ N: Cụ H, cụ N có hai người con là bà Lê Thị X và ông Lê Văn M.

- Về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Hoài, cụ Ngó:

+ Tính công chăm sóc cụ H thời gian cuối đời và công quản lý, tôn tạo di sản là 20% của khối di sản là 102.367.120đ ( $511.835.600đ \times 20\% = 102.367.120đ$ ).

+ Bà Lê Thị X được giao chia di sản của cụ H, cụ N phần đất S2 có diện tích 134,4m<sup>2</sup>, trị giá 201.444.800đ, gồm 100m<sup>2</sup> đất ODT trị giá 200.000.000đ và 34,4m<sup>2</sup> đất HNK trị giá 1.444.800đ.

+ Ông Lê Văn M được giao chia di sản của cụ H, cụ N phần đất S1 có diện tích 397,4m<sup>2</sup> trị giá 310.390.800đ (150m<sup>2</sup> đất ở trị giá 300.000.000đ, 247,4m<sup>2</sup> đất HNK trị giá 10.390.800đ), trong đó công chăm sóc cụ H thời gian cuối đời và công quản lý, tôn tạo di sản là 102.367.120đ và phần được hưởng di sản của cụ H, cụ N có giá trị 208.023.680đ, chênh lệch nhiều hơn phần của bà X là 6.578.880đ.

+ Phần giá trị chênh lệch của ông M nhiều hơn bà X 6.578.880đ được trừ vào giá trị cây trồng, vật kiến trúc của ông M có trên phần đất S2 được giao chia cho bà X.

Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ghi nhận.

*[4] Về chi phí tố tụng và án phí:*

Chi phí tố tụng: Giai đoạn xét xử sơ thẩm: 7.500.000đ, giai đoạn xét xử phúc thẩm: 6.500.000đ, tổng cộng 14.000.000đ. Mỗi bên chịu 7.000.000đ, bà Lê Thị X đã nộp tạm ứng 14.000.000đ nên bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Xem số tiền 7.000.000đ.

Án phí: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị X là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được chính quyền địa phương xác nhận, Tòa chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

Áp dụng các Điều 147, 148, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 611, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và

Điều 14 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn:

Khối di sản của cụ Lê H (chết năm 1990), cụ Trương Thị N (chết năm 1948) còn lại hiện nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup> (gồm 250m<sup>2</sup> đất ở và 293,1m<sup>2</sup> đất HNK), tọa lạc Khu phố P1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên do ông Lê Văn M (con cụ H, cụ N) đứng tên – UBND huyện Đ cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 494663, sổ vào sổ CH 00752 ngày 15/7/2013. Kết quả đo đạc thực tế - Tại Bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày 31/8/2022, có diện tích 531,8m<sup>2</sup> (gồm 250m<sup>2</sup> đất ODT và 281,8m<sup>2</sup> đất HNK). Khối di sản của cụ H, cụ N trị giá 511.835.600đ (250m<sup>2</sup> đất ODT x 2.000.000đ/m<sup>2</sup> + 281,8m<sup>2</sup> đất HNK x 42.000đ/m<sup>2</sup>).

- Diện hưởng di sản thừa kế của cụ H, cụ N: Cụ H, cụ N có hai người con là bà Lê Thị X và ông Lê Văn M.

- Về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ H, cụ N:

+ Tính công chăm sóc cụ H thời gian cuối đời và công quản lý, tôn tạo di sản là 20% của khối di sản là 102.367.120đ (511.835.600đ x 20% = 102.367.120đ).

+ Bà Lê Thị X được chia giao di sản của cụ H, cụ N phần đất S2 có diện tích 134,4m<sup>2</sup>, trị giá 201.444.800đ, gồm 100m<sup>2</sup> đất ODT trị giá 200.000.000đ và 34,4m<sup>2</sup> đất HNK trị giá 1.444.800đ – Bà Lê Thị T phải giao chia cho bà Lê Thị X phần diện tích S2 có giới cận: Nam giáp: đường đất; Đông giáp thửa số 95; Bắc giáp thửa số 84 (tờ bản đồ 25); Tây giáp diện tích S1.

+ Ông Lê Văn M được giao chia di sản của cụ H, cụ N phần đất S1 có diện tích 397,4m<sup>2</sup> có giới cận: Nam giáp: đường đất; Đông giáp diện tích S2 giao cho bà Lê Thị X; Bắc giáp thửa số 84 (tờ bản đồ 25); Tây giáp đường bê tông. (Trên đất có ngôi nhà cấp 4 của ông M, bà T) trị giá 310.390.800đ (150m<sup>2</sup> đất ODT trị giá 300.000.000đ, 247,4m<sup>2</sup> đất HNK trị giá 10.390.800đ), trong đó công chăm sóc cụ H thời gian cuối đời và công quản lý, tôn tạo di sản là 20% của khối di sản là 102.367.120đ và phần được hưởng di sản của cụ H, cụ N có trị giá 208.023.680đ, chênh lệch nhiều hơn phần của bà X là 6.578.880đ. Ông Lê Văn M chết, vợ là bà Lê Thị T và các con đại diện nhận.

+ Phần giá trị chênh lệch của ông M nhiều hơn bà X 6.578.880đ được trừ vào giá trị cây trồng, vật kiến trúc của ông M có trên phần đất S2 được chia giao cho bà X.

Bà Lê Thị T và các con được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013.

Bà Lê Thị X được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị X và bị đơn bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Giai đoạn xét xử sơ thẩm: 7.500.000đ, giai đoạn xét xử phúc thẩm: 6.500.000đ, tổng cộng 14.000.000đ. Mỗi bên chịu 7.000.000đ, bà Lê Thị X đã nộp tạm ứng 14.000.000đ nên bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị X số tiền 7.000.000đ.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Lê Thị X 300.000đ tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000323 ngày 17/3/2016 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001934 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ.

Hoàn lại cho bị đơn bà Lê Thị T 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001983 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND TX Đông Hòa; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS TX Đông Hòa;
- P. KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quang**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quang**

